TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HSST
Ngày 20/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

***Với T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Tuyến

Bà Nguyễn Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hòa, thư ký Tòa án nhân dân huyện QV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2022/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện QV, đối với bị cáo:

Phạm Văn T1, sinh năm 2003; Giới tính: Nam; HKTT: Khu KĐ, phường KC, thành phố BN, tỉnh BN; Nghề nghiệp: Học sinh; Học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Đình T2 và con bà Lương Thị Y1; Gia đình có 03 anh, chị em, bị cáo là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2022 đến ngày 05/3/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

**. Bị hại:* Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn LT, xã ĐX, huyện QV, tỉnh BN

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Tá T3, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn BP, xã Nhân Hòa, huyện QV, tỉnh BN

2. Ông Phạm Đình T2, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu KĐ, phường KC, T1 phố BN, tỉnh BN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 26/02/2022, T1 đến nhà anh Phạm Đình T4, sinh năm 2002 ở khu Phú Xuân, phường KC, T1 phố BN, tỉnh BN chơi, sau đó,

T1 mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng BKS 99G1-378.17 của anh T4 để đi đổ xăng. Khi đi qua thôn LT, xã ĐX T1 thấy cửa hàng sửa chữa điện thoại di động Minh Nghĩa của anh Nguyễn Văn Nghĩa đang mở cửa và chỉ có chị N1 (vợ anh Nghĩa) đang trông quán, xung quanh không có ai nên T1 nảy sinh ý định cướp giật tài sản mang đi bán lấy tiền tiêu xài. T1 điều khiển xe mô tô về nhà tắm rồi mặc áo khoác bò, loại có mũ, đội mũ bảo hiểm và đeo khẩu trang (mục đích để không ai nhận ra) rồi đi xe đến đỗ trước cửa hàng sửa chữa điện thoại Minh Nghĩa. T1 vẫn cắm chìa khóa xe tại ổ khóa điện, mục đích để nhanh chóng chạy thoát. T1 đi vào trong cửa hàng gặp chị N1 và nói: "Chị cho em xem chiếc điện thoại Iphone 8 plus", chị N1 đồng ý và lấy 01 điện thoại Iphone 8 plus 64 GB màu trắng đưa cho T1. T1 cầm điện thoại chị N1 vừa đưa tại tay và tiếp tục nói: "Chị cho em xem chiếc điện thoại Iphone 7 plus", chị N1 đồng ý rồi lấy chiếc điện thoại Iphone 7 plus 32 GB màu đen đưa cho T1. T1 cầm 02 chiếc điện thoại trên nhanh chóng chạy ra xe mô tô nổ máy xe rồi bỏ chạy. Chị N1 phát hiện truy hô "anh Nghĩa ơi cướp" rồi đuổi theo nhưng không đuổi kịp. Sau khi cướp giật được 02 điện thoại trên, T1 đi xe mô tô đến trả anh T4 và mang điện thoại nhà cất giấu. Sáng ngày 27/02/2022, T1 giao bán điện thoại trên mạng xã hội Facebook và đã bán 01 điện thoại Iphone 8 plus 64 GB màu trắng cho anh Nguyễn Tá T3, sinh năm 2002 ở thôn BP, xã Nhân Hòa, huyện QV được số tiền 4.800.000 đồng. T1 đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 27/02/2022, anh Nguyễn Tá T3 tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện QV 01 điện thoại di động Iphone 8 plus 64 GB màu trắng số Imei 356118096078316.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-ĐGTS ngày 28/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện QV kết luận: *"Một điện thoại di động Iphone 8 plus 64 GB màu trắng thời điểm định giá tháng 02/2022 có giá trị là 6.500.000 đồng và một điện thoại di động Iphone 7 plus 32 GB màu đen thời điểm định giá tháng 02/2022 có giá trị là 4.600.000 đồng."*.

**** Về xử lý vật chứng***

Quá trình điều tra xác định một điện thoại di động Iphone 8 plus 64 GB màu trắng và một điện thoại di động Iphone 7 plus 32 GB màu đen là tài sản của gia đình chị N1. Ngày 24/3/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện QV đã trả cho chị N1.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

Chị N1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với số tiền 4.800.000 đồng, anh Nguyễn Tá T3 bỏ ra để mua điện thoại của T1, anh Phạm Đình T2 (là bố đẻ T1) đã trả lại anh T3. Anh T3 nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh T2 không yêu cầu T1 trả lại anh số tiền trên.

Quá trình điều tra xác định 01 USB màu trắng do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV thu giữ, bên trong chứa đoạn video ghi lại hình ảnh T1 thực hiện hành vi cướp giật tài sản là chứng cứ vụ án được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV, Phạm Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình vào ngày 26/02/2022.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSQV ngày 04/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QV truy tố Phạm Văn T1 về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được và toàn bộ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, giữ nguY1 quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

TuY1 bố bị cáo Phạm Văn T1 phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 171; Điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm Văn T1 từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Lưu giữ 01 USB màu trắng bên trong chứa đoạn video ghi lại hình ảnh bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội không tham gia tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện QV, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện QV, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định cuả Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định cuả Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Nội dung vụ án đã thể hiện rõ: Hồi 20 giờ 45 phút, ngày 26/02/2022 tại cửa hàng sửa chữa điện thoại Minh Nghĩa của chị Nguyễn Thị N1 ở thôn LT, xã ĐX, huyện QV, tỉnh BN, Phạm Văn T1 có hành vi cướp giật một điện thoại di động Iphone 8 plus 64 GB màu trắng và một điện thoại di động Iphone 7 plus 32 GB màu đen có tổng trị giá là 11.100.000 đồng của chị N1 rồi nhanh chóng bỏ chạy. Hiện tài sản đã được thu hồi và trả cho chị N1.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ được cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận Phạm Văn T1 phạm tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự, đúng với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện QV đã truy tố.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo tuổi còn trẻ nhưng không tu dưỡng bản thân, chịu khó lao động mà muốn được hưởng lợi từ T1 quả lao động của người khác để thỏa mãn nhu cầu của mình. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, vì mục đích vụ lợi. Do vậy, cần thiết phải xử bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T1 khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan Công an đầu thú,khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp chiếc điện thoại đã chiếm đoạt. Ngoài ra, bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, khi lượng hình hội đồng xét xử cũng cần xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo tuổi còn trẻ, phạm tội do bộc phát, tài sản chiếm đoạt không lớn. Sau khi phạm tội đã biết sai và đến cơ quan Công an đầu thú và giao nộp tài sản chiếm đoạt. Bị cáo đã tác động đến gia đình để trả lại tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và được người bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo đang là học sinh cuối cấp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/QN-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương, gia đình cũng đủ để giáo dục bị cáo trở T1 người có ích cho gia đình và xã hội.

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N1 là 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus 32 GB màu đen và 01 điện thoại Ipone 8 plus 64 GB màu trắng hiện đã được thu hồi và trả cho người bị hại. Chị N1 nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Đối với ông Phạm Đình T2 đã tự nguyện bỏ tiền giúp bị cáo trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tá T3. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông T2 không đề nghị bị cáo trả lại ông số tiền này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với Nguyễn Tá T3 là người đã mua điện thoại di động Iphone 8 plus 64 GB màu trắng của T1, T3 không biết đây là tài sản do T1 phạm tội mà có và đã tự nguyện giao nộp điện thoại cho cơ quan điều tra nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ. Số tiền T3 bỏ ra để mua điện thoại của T1 đã đươc ông T2 trả lại đủ, T3 không yêu cầu thêm nên không đặt ra giải quyết.

Đối với Phạm Đình T4 đã cho T1 mượn xe, T4 không biết T1 sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng BKS 99G1-378.17 quá trình điều tra xác định là xe của anh Phạm Đình Quý, sinh năm 1999 ở khu Phú Xuân, phường KC, T1 phố BN, tỉnh BN (anh trai T4). Anh Quý không biết T4 cho T1 mượn xe và không biết T1 sử dụng xe để đi cướp giật tài sản nên cơ quan điều tra không thu giữ xe và không xử lý đối với anh Quý là đúng quy định.

Về vật chứng: Đối với 01 USB màu trắng bên trong chứa đoạn video ghi lại hình ảnh bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

TuY1 bố bị cáo Phạm Văn T1 phạm tội “Cướp giật tài sản".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 171; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn T1 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuY1 án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T1 cho UBND phường KC, T1 phố BN, tỉnh BN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Lưu giữ theo hồ sơ 01 USB màu trắng bên trong chứa đoạn video ghi lại hình ảnh bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Văn T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY1 án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh, VKS tỉnh BN;*
- *Sở Tư pháp BN;*
- *Viện kiểm sát, Công an huyện QV;*
- *Thi hành án huyện QV;*
- *Bị cáo, những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Liên